

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30-7-2021

V/v: Ly hôn, nuôi con chung  
giữa chị N và anh D

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Xuân Thùy;

Ông Trần Đình Phấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:** Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2021/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1972; nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm 9, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; hiện ở: Xóm 15, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

**- Bị đơn:** Anh Lưu Văn Diện, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 9, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N và anh D đều vắng mặt, chị N và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 7 tháng 5 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Văn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định vào ngày

15/8/1998. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Anh D không chăm lo cho gia đình. Từ tháng 6 năm 2020 chị bỏ về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ nên nguyện vọng của chị được xin ly hôn anh Lưu Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lưu Văn H, sinh ngày 20/2/1999 và Lưu Văn H, sinh ngày 27/2/2005; hiện con H đã thành niên nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét. Đối với con H đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nhận nuôi con H và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của anh Lưu Văn D trình bày như sau:

Về hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị Ngọc trình bày là đúng. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả. Từ tháng 6 năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, anh xác định vợ chồng không thể hàn gắn được hạnh phúc, chị Trần Thị N xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị N trình bày là đúng. Khi ly hôn anh nhất trí để cho chị N tiếp tục được nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương như sau: Về quan hệ hôn nhân, con chung, diễn biến cuộc sống vợ chồng như chị N, anh D trình bày là đúng. Nay chị N xin ly hôn anh D nhất trí, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của đương sự để giải quyết ly hôn. Về con chung; chị N, anh D trình bày vợ chồng có hai con chung là Lưu Văn H, sinh ngày 20/2/1999 và Lưu Văn H, sinh ngày 27/2/2005 là đúng. Đối với cháu H đã thành niên, còn cháu Hiệu đang ở với chị N Nay ly hôn chị N xin nhận nuôi con H, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Tòa án giao con cho chị Ngọc tiếp tục nuôi con là phù hợp. Về tài sản chị N và anh D không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn

nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Lưu Văn D; giao con chung chưa thành niên Lưu Văn H cho chị Ngọc tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Lưu Văn D là hợp pháp, được xác lập từ ngày 15/8/1998. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2020. Nay chị N xin ly hôn anh D hoàn toàn nhất trí. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị N xin ly hôn anh D nhất trí nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa chị Trần Thị N với anh Lưu Văn D.

[3] Về con chung: Chị Ngọc anh D có hai con chung là Lưu Văn H, sinh ngày 20/2/1999 và Lưu Văn H, sinh ngày 27/2/2005; hiện con H đã thành niên, còn con H đang ở với chị N. Xét thấy con H đã thành niên chị N và anh D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp. Đối với con H khi ly hôn chị N xin nhận nuôi và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con, anh D nhất trí với yêu cầu của chị N. Xét thấy chị N nhận tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn là phù hợp, mặt khác nguyện vọng của con H xin được với chị N, vì vậy HĐXX sẽ giao cho chị N được tiếp nuôi con và nghị nhận chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Lưu Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Văn H, sinh ngày 27/2/2005 cho chị Trần Thị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lưu Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002051 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện ;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Phạm Ngọc Long**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Chính**

**Trần Văn Quân**

**Phạm Ngọc Long**